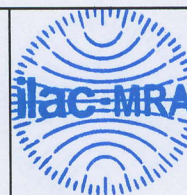




CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP
THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

VILAS 746

Số: 33/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

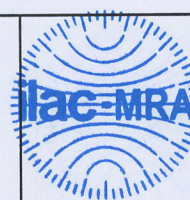
I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	144B08/15	Bể chứa NMN Phú Hòa	Nước sau khi xử lý	Trần Quang Vinh	21/09/2015 8g00-8g15	Phạm Thị Luyện
2	145B06/15	Bể chứa NMN Sông Hinh			22/09/2015 9g00-9g15	
3	145B07/15	Bể chứa NMN Sơn Hòa			22/09/2015 10g00-10g15	
4	146B02/15	Bể chứa NMN Tuy An		Nguyễn Tường Linh	22/09/2015 8g00-8g15	Nguyễn Thị Cẩm Tú
5	146B03/15	Bể chứa NMN La Hai			22/09/2015 9g30-9g45	
6	147B04/15	Bể chứa NMN Sông Cầu			22/09/2015 10g00-10g15	
7	147B05/15	Bể chứa NMN Đ.Bắc Sông Cầu			22/09/2015 10g45-11g00	
8	148M ₁ 01/15	Nhà Máy Bia Phú Yên		Võ Bá Duy Huân	21/09/2015 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
9	149M ₁ 01/15	Điểm Giao Dịch Cấp Nước -An Phú		Trần Quang Vinh	21/09/2015 9g30-9g45	
10	150M ₁ 01/15	207 Nguyễn Công Trứ		Nguyễn Thị Cẩm Tú	21/09/2015 8g30-8g45	
11	150M ₂ 01/15	Cảng cá Phường 6			21/09/2015 9g00-9g15	
12	150M ₃ 01/15	Ủy ban nhân dân Tỉnh			21/09/2015 9g30-9g45	
13	151B01/15	Bể chứa NMN Tuy Hòa			21/09/2015 8g00-8g15	



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP
THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**



VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				144B08/15	145B06/15	145B07/15	146B02/15
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.98	7.32	7.25	7.35
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.62	0.79	0.69	0.64
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.05	0.04	0.05	0.03
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	17.79	14.75	17.79	17.22
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	60.24	16.00	42.65	23.57
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	0.0037	0.0039	0.0040
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	5.10	4.80	4.70	8.40
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	6.90	3.15	4.50	2.05
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	KPH	0.01	0.01
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.77	0.65	1.12	0.84
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	0.44	0.53	0.53	0.53
STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				146B03/15	147B04/15	147B05/15	148M ₁ 01/15
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7.40	7.39	6.72	6.89
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.34	0.46	0.30	0.61
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.01	KPH	KPH	0.03
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	12.72	12.72	9.63	16.16
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	25.11	25.11	8.24	47.24
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	0.0040	0.0040	0.0037	0.0037
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	7.10	8.20	5.40	6.80
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	1.91	2.45	2.31	5.83
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	0.01	0.02	KPH
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	1.1	1.1	0.52	0.58
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	0.53	0.53	0.44	KPH

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				149M ₁ 01/15	150M ₁ 01/15	150M ₂ 01/15	150M ₃ 01/15
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996				
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996				
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.85	7.19	7.24	6.92
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.52	0.78	0.80	0.79
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.05	0.04	0.04	KPH
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	15.29	16.16	15.63	15.82
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	45.63	28.39	28.9	45.12
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	6.40	8.20	7.90	6.50
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	3.90	3.7	4.2	3.40
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.80	7.50	6.80	7.00
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	0.01	KPH	0.01
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.32	0.56	0.72	0.26
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	0.53	KPH	0.44



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP
THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				151B01/15			
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH			
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH			
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.81			
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.59			
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.03			
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	15.63			
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	42.53			
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	0.0039			
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	5.20			
10	Mùi vị(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không			
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7.12			
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH			
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.39			
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH			
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	0.53			

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu chưa được Vilas công nhận, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 28 tháng 9 năm 2015

Bộ Phận Hóa nghiệm

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật



KS. Nguyễn Văn Bình

Nguyễn Văn Bình

Võ Bá Duy Huân